

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày 11 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lèo Thị Chan.

Ông Hoàng Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Bá D, sinh ngày 30/12/1964 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Bản K 2, xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Phạm Văn T1 và bà Lê Thị T2 (đã chết); có vợ là Đỗ Thị N và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

2. Lò Văn T3, sinh ngày 21/11/1988 tại huyện Y1, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản N1, xã C, huyện Y1, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn C1 và bà Nguyễn Thị T4; có vợ là Trần Thị Thu Y2 và có 01 con (sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3. Nguyễn Văn K1, sinh ngày 07/5/1969 tại huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi cư trú: Bản K 1, xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Đảng viên; Ủy viên Chi ủy Chi bộ bản K

1; Trưởng bản K 1; Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Y khóa V, nhiệm kỳ 2016 - 2021, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 77-QĐ/UBKTHU ngày 31/10/2018 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Y1 và tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 04/QĐ-HĐND ngày 01/11/2018 của Hội đồng nhân dân xã Y (thời hạn theo quy định của pháp luật); con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H1 và có 02 con (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

4. Dương Đình C2, sinh ngày 08/4/1985 tại huyện M, Thành phố Hà Nội. Nơi thường trú: Thôn x, xã P1, huyện M, Thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Bản N1, xã C, huyện Y1, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Nhân viên bán xăng dầu; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Dương Đình N và bà Nguyễn Thị X1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. Vũ Văn D1, sinh ngày 01/01/1975 tại huyện K1, tỉnh Hưng Yên. Nơi cư trú: Bản K 1, xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Vũ Văn Q và bà Phạm Thị T5; có vợ là Nguyễn Thị L (là bị cáo trong vụ án) và có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

6. Phan Văn T6, sinh ngày 07/01/1987 tại huyện Y1, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản K 2, xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Phan Văn L1 và bà Đỗ Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

7. Nguyễn Thị L, sinh ngày 08/3/1984 tại huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi cư trú: Bản K 1, xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Hồng Q1 (đã chết) và bà Phan Thị C3; có chồng là Vũ Văn D1 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2018 đến ngày 07/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 16/10/2018, Vũ Văn D1, Nguyễn Thị L, Phan Văn T6 và Phan Văn D2 đều trú tại xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La đến nhà Phạm Bá D ở bản K 2, xã Y, huyện Y1 để uống nước, nói chuyện. Trong lúc ngồi nói chuyện, D gọi điện thoại cho Nguyễn Văn K1, trú tại bản K 1, xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La và Lò Văn T3, trú tại bản N1, xã C, huyện Y1, tỉnh Sơn La, rủ đến nhà D để đánh bạc. Sau đó, Nguyễn Văn K1 rủ thêm Lê Văn M1 còn Lò Văn T3 rủ thêm Phạm Văn N3 và Dương Đình C2 đến nhà D. Khoảng 22 giờ cùng ngày thì K1, M1, T3, N3 và C2 đến nhà D. Mọi người đi vào trong nhà ngồi nói chuyện, uống nước ở phòng khách nhà D. Lúc này, D nói với mọi người là “đến đủ người rồi thì chơi đi” (ý là đánh bạc) và đi xuống bếp lấy 01 bộ bát đĩa bằng sứ màu trắng ra đặt xuống bàn uống nước để làm công cụ đánh bạc. Nguyễn Văn K1 lấy kéo (có sẵn ở nhà D) cắt 04 quân vị từ các quân bài tú lơ khơ. Lò Văn T3 cầm bát đĩa xuống chiếu và mọi người ngồi xuống chiếu để đánh bạc.

Các bị cáo đánh bạc với nhau bằng hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền. T3 là người cầm cái (người xóc đĩa) còn các đối tượng khác đặt theo hai cửa chắn, lẻ. Khi bắt đầu một ván bạc thì người cầm cái cho 04 quân vị lên một cái đĩa, úp bát lên và xóc để các quân vị lật các mặt khác nhau, mọi người đặt tiền vào cửa chắn hoặc lẻ với số tiền cược tùy ý, người chơi tự cân đối tiền và tự cá cược với nhau tỷ lệ một ăn một, tức là nếu thắng thì sẽ được số tiền bằng số tiền mình đã bỏ ra để đặt cược còn nếu thua thì sẽ mất số tiền đó. Khi cửa chắn và lẻ đã cân tiền thì người cầm cái mở bát để xem quân vị, nếu có 02 hay 04 quân vị cùng màu trên đĩa là về chắn, nếu có 03 quân vị cùng màu trên đĩa là về lẻ; quy định mức đặt cược thấp nhất là 50.000đ và cao không hạn chế.

Phạm Bá D là chủ nhà không trực tiếp đánh bạc cùng mọi người mà là người đứng ra tổ chức cho các bị cáo đánh bạc để thu tiền phé. Có 06 bị cáo đã tham gia đánh bạc gồm: Lò Văn T3, Nguyễn Văn K1, Vũ Văn D1, Phan Văn T6, Dương Đình C2 và Nguyễn Thị L; có 04 người không tham gia đánh bạc là: Lê Văn M1, Phạm Văn N3, Phan Văn D2 và Phạm Bá D3. Những người chơi ngồi xuống chiếu theo vòng tròn, T3 cầm cái ngồi theo hướng quay mặt về phía cầu thang tầng 1, ngồi tiếp theo tính từ phía tay phải của T3 lần lượt là Nguyễn Văn K1, Vũ Văn D1, Dương Đình C2, Phan Văn T6 và Nguyễn Thị L.

Trước khi đánh bạc, Nguyễn Văn K1 có 20.300.000đ, Dương Đình C2 có 9.750.000đ, Lò Văn T3 có 5.000.000đ, Vũ Văn D1 có 3.000.000đ, Phan Văn T6 có 800.000đ, Nguyễn Thị L có 350.000đ. Sau khi chơi được một lúc thì D bảo mọi người nộp tiền phé, T3 thu của mỗi người 200.000đ, tổng cộng là 1.200.000đ để ở dưới chiếu và tiếp tục đánh bạc. Sau đó, Phạm Bá D đã cho Dương Đình C2 sử dụng số tiền phé này để đánh bạc vì trước đó D có nợ tiền của C2. Trong khi chơi, có người đặt tiền ở cửa chắn, có người đặt tiền ở cửa lẻ, có người thắng và có người thua.

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Công an phát hiện nên dừng lại không chơi nữa và lên ngồi trên ghế ở phòng

khách. Lò Văn T3 cầm chiếc bát đang xóc cái chạy xuống bếp để ở cạnh máy lọc nước còn Nguyễn Thị L khi đánh hết số tiền mang theo đã bỏ về trước. Cơ quan Công an đã lập biên bản sự việc nhưng do hoảng sợ nên các bị cáo không ký vào biên bản.

Cơ quan Công an đã tiến hành kiểm tra xung quanh nơi các bị cáo ngồi đánh bạc; kiểm tra trên người các bị cáo; khám nghiệm khẩn cấp chỗ ở của Phạm Bá D và khám nghiệm hiện trường thu giữ của Vũ Văn D1 3.400.000đ, Nguyễn Văn K1 20.200.000đ, Lò Văn T3 3.000.000đ, Dương Đình C2 12.600.000đ. Ngoài ra, còn thu giữ của Phạm Văn N3 4.500.000đ và một số đồ vật, tài sản có liên quan khác.

Quá trình điều tra, xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc vào tối ngày 16/10/2018 là 39.200.000đ. Tổng số tiền Phạm Bá D thu phé của các bị cáo là 1.200.000đ.

Đối với những người có mặt tại nhà Phạm Bá D vào tối ngày 16/10/2018 là: Lê Văn M1, sinh năm 1993, trú tại: Bản K 1, xã Y, huyện Y, tỉnh Sơn La; Phạm Văn N3, sinh năm 1993, Phan Văn D2, sinh năm 1995, Phạm Bá D3, sinh năm 1994, đều trú tại: Bản K 2, xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La. Kết quả điều tra xác định những người này không tham gia chơi xóc đĩa cá cược được thua bằng tiền nên không phạm tội Đánh bạc.

Do có hành vi nêu trên nên tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-P2 ngày 10/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Phạm Bá D về tội Tổ chức đánh bạc theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Lò Văn T3, Nguyễn Văn K1, Dương Đình C2, Vũ Văn D1, Phan Văn T6 và Nguyễn Thị L về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Bá D từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng về tội Tổ chức đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn T3 từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K1 từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Đình C2 từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn D1 từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án

treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn T6 từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội Đánh bạc.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xin được áp dụng mức hình phạt thấp nhất và xin được hưởng án treo để cải tạo, giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tối ngày 16/10/2018, Phạm Bá D đã có hành vi rủ rê, lôi kéo, chứa chấp và chuẩn bị công cụ cho 06 bị cáo là: Lò Văn T3, Nguyễn Văn K1, Dương Đình C2, Vũ Văn D1, Phan Văn T6 và Nguyễn Thị L đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền mục đích để thu tiền phé. Khi các bị cáo đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là 39.200.000đ; tổng số tiền thu lợi bất chính của Phạm Bá D là 1.200.000đ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản sự việc lập hồi 23 giờ 30 phút ngày 16/10/2018; Biên bản khám xét lập hồi 09 giờ 20 phút và Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 10 giờ 10 phút ngày 18/10/2018 tại nhà ở của Phạm Bá D, địa chỉ: Bản K 2, xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La;

- Kết luận giám định số 468 ngày 29/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận toàn bộ số tiền 39.200.000đ gửi giám định là tiền thật.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lò Văn T3, Nguyễn Văn K1, Dương Đình C2, Vũ Văn D1, Phan Văn T6 và Nguyễn Thị L đã phạm tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Phạm Bá D đã phạm tội Tổ chức đánh bạc, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự.

[3] Về khung hình phạt áp dụng:

Các bị cáo: Lò Văn T3, Nguyễn Văn K1, Dương Đình C2, Vũ Văn D1, Phan Văn T6 và Nguyễn Thị L đã tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà của Phạm Bá D với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 39.200.000đ, hành vi của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Đối với bị cáo Phạm Bá D tuy không tham gia đánh bạc nhưng đã có hành vi tổ chức cho 06 bị cáo nêu trên đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 39.200.000đ đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự: “Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên”, tội phạm có khung hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm và thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự nhưng xét thấy các bị cáo đều không có điều kiện thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lò Văn T3, Nguyễn Văn K1, Dương Đình C2, Vũ Văn D1, Phan Văn T6 và Nguyễn Thị L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn K1 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Bá D có bố đẻ (ông Phạm Văn T1); bị cáo Dương Đình C2 có bố đẻ (ông Dương Đình N2); bị cáo Lò Văn Thắng có ông nội (Lò Văn O) là người có công với nước, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo Phạm Bá D còn có anh trai ruột (Phạm Đăng K2) là liệt sĩ nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo đều là người có nhận thức, biết được hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng việc xây dựng môi trường sống văn minh, làm tha hóa đạo đức của một bộ phận dân cư, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia đình, là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự an toàn xã hội và an ninh tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa vi phạm có thể xảy ra.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn K1: Bị cáo là đảng viên, Ủy viên chi ủy Chi bộ bản, Trưởng bản K 1 và là Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Y, lẽ ra bị cáo phải gương mẫu trong việc chấp hành các chủ trương, đường lối của đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước nhưng bị cáo lại phạm tội với vai trò tích cực (trực tiếp là người chuẩn bị quân vị) và có số tiền sử dụng để đánh bạc nhiều nhất (20.300.000đ). Bị cáo Lò Văn T3 là người trực tiếp cầm cái để các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn K1 và bị cáo Lò Văn T3 phải cao hơn so với các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và đều là lao động chính trong gia đình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được gia đình, chính quyền địa phương bảo lãnh và xét thấy bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần mở lượng khoan hồng cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, điều này phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên tòa.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với một số đồ vật, tài sản tạm giữ khi phát hiện quả tang như: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen tạm giữ của Phan Văn D2; số tiền 4.500.000đ và 01 chiếc điện thoại di động NOKIA 1280 màu xanh tạm giữ của Phạm Văn N3; 01 đầu thu dữ liệu camera nhãn hiệu HIKVISION model: DS 7104HGHT - SH; Serial No số 586335543 tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Phạm Bá D: Quá trình điều tra xác định số đồ vật, tài sản

tạm giữ nêu trên không liên quan đến vụ án, do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với một chiếc đĩa, một chiếc bát bằng sứ; một chiếc chiếu màu trắng có hoa văn màu xanh; một chiếc kéo; 04 quân vị hình tròn đường kính 01cm; 07 (bảy) quân tú lơ khơ; 01 (một) quân vị hình tròn kích thước 02cm; các mảnh quân được cắt từ quân tú lơ khơ không rõ hình dạng + 04 (bốn) quân vị hình tròn kích thước 2cm được cắt từ quân lơ khơ + 01 quân tú lơ khơ hình chữ nhật kích thước 3x6cm; 07 (bảy) quân tú lơ khơ; 32 (ba hai) quân tú lơ khơ được niêm phong trong phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành: Quá trình điều tra xác định là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 39.200.000đ, trong đó: Thu của Lò Văn T3 3.000.000đ; Dương Đình C2 12.600.000đ; Nguyễn Văn K1 20.200.000đ; Vũ Văn D1 3.400.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia tạm giữ của Phạm Bá D; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 tạm giữ của Nguyễn Văn K; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s tạm giữ của Phan Văn T6; 01 chiếc điện thoại di động Nokia vỏ màu đen tạm giữ của Lò Văn T3 và 01 chiếc điện thoại Iphone 6s tạm giữ của Dương Đình C2 được xác định là tiền và phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của Phạm Văn N3: Quá trình điều tra xác định đây là điện thoại của Nguyễn Thị L; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 và 01 chiếc điện thoại di động Iteit 1508 Plus tạm giữ của Phạm Bá D; 01 điện thoại NOKIA tạm giữ của Vũ Văn D1 và 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng - vàng tạm giữ của Lò Văn T3: Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Bá D phạm tội Tổ chức đánh bạc; các bị cáo Lò Văn T3, Nguyễn Văn K1, Dương Đình C2, Vũ Văn D1, Phan Văn T6, Nguyễn Thị L phạm tội Đánh bạc.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Bá D 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn T3 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Đình C2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn D1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn T6 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Giao các bị cáo: Phạm Bá D, Nguyễn Văn K1, Vũ Văn D1, Phan Văn T6, Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo: Lò Văn T3, Dương Đình C2 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y1, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ Một chiếc đĩa bằng sứ màu trắng hình tròn có đường kính 18cm, đã qua sử dụng;

+ Một chiếc bát bằng sứ màu trắng hình tròn có đường kính 11,5cm, đã qua sử dụng;

+ Một chiếc chiếu màu trắng có hoa văn màu xanh, chiếu đã qua sử dụng;

+ Một chiếc kéo có lưỡi bằng kim loại màu trắng, cán kéo màu vàng, kéo đã qua sử dụng;

+ 04 quân vị hình tròn đường kính 01cm được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành;

+ 07 (bảy) quân tú lơ khơ được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành;

+ 01 (một) quân vị hình tròn kích thước 2cm được cắt từ quân tú lơ khơ được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành;

+ Các mảnh quân được cắt từ quân tú lơ khơ không rõ hình dạng + 04 (bốn) quân vị hình tròn kích thước 2cm được cắt từ quân lơ khơ + 01 quân tú lơ khơ hình chữ nhật kích thước 3x6cm được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành;

+ 07 (bảy) quân tú lơ khơ được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành;

+ 32 (ba hai) quân tú lơ khơ được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ Số tiền 39.200.00đ (ba mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) được niêm phong trong một chiếc phong bì do Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La phát hành;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA của Phạm Bá D được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành (theo Biên bản kiểm tra điện thoại di động ngày 19/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La ghi như sau: Điện thoại di động NOKIA 105 V03.60 màu

đỏ đen, bàn phím bấm; mở nắp sau điện thoại, tháo pin thấy số IMEI là 355737/06/47869/6. Điện thoại lắp sim Viettel số thuê bao 0396247039);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của Nguyễn Văn K1 được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành (theo Biên bản kiểm tra điện thoại di động ngày 19/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La ghi như sau: 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6, có gắn ốp lưng màu đen. Điện thoại lắp sim Viettel số thuê bao 01683033420, số IMEI 359314068887076);

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s của Phan Văn T6 được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành (theo Biên bản kiểm tra điện thoại di động ngày 19/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La ghi như sau: 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6s màu hồng. Điện thoại lắp sim Viettel số thuê bao 0389990826, số IMEI 355693075505886);

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen của Lò Văn T3 được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, mặt trước phong bì có ghi "02 (hai) chiếc điện thoại di động tạm giữ của Lò Văn T3" (theo Biên bản mở niêm phong, khai thác dữ liệu điện thoại và niêm phong lại ngày 21/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La ghi như sau: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen trong tình trạng tắt nguồn).

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s của Dương Đình C2 được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành (theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu tạm giữ ngày 17/10/2018 tại bản K 2, xã Y, huyện Y1, tỉnh Sơn La ghi như sau: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng, sử dụng ốp lưng màu vàng đỏ).

- Trả lại cho:

+ Bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt trước điện thoại màu trắng, mặt sau điện thoại màu hồng, điện thoại đã qua sử dụng.

+ Bị cáo Phạm Bá D 02 chiếc điện thoại gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành (theo Biên bản kiểm tra điện thoại di động ngày 19/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La ghi như sau: Điện thoại Iphone 5 màu trắng, ốp màu đen, số IMEI trong máy là 013421004894948, số IMEI phía sau vỏ máy là 013630005893861; điện thoại lắp sim có số thuê bao là 01675369876) và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL it1508 Plus được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành (theo Biên bản kiểm tra điện thoại di động ngày 19/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La ghi như sau: Điện thoại ITEL it1508 Plus mặt trước màu đen,

mặt sau màu vàng nhạt, số sê ri 01796017A8007889, số IMEI trong máy là 351612083742285; điện thoại lắp sim có số thuê bao là 0886157412).

+ Bị cáo cáo Vũ Văn D1 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành (theo Biên bản kiểm tra điện thoại di động ngày 19/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La ghi như sau: 01 điện thoại di động NOKIA 105 V11.00.11 màu đen, bàn phím bấm; số IMEI 1 356943091610767, số IMEI 2 356943096610762. Điện thoại lắp 2 sim Viettel gồm số thuê bao sim 1 0964616205, sim 2 0358577479).

+ Bị cáo Lò Văn T3 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng - vàng của Lò Văn T3 được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh Sơn La phát hành, mặt trước phong bì có ghi "02 (hai) chiếc điện thoại di động tạm giữ của Lò Văn T3" (theo Biên bản mở niêm phong, khai thác dữ liệu điện thoại và niêm phong lại ngày 21/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La ghi như sau: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng - vàng trong tình trạng tắt nguồn).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Phạm Bá D, Lò Văn T3, Nguyễn Văn K1, Dương Đình C2, Vũ Văn D1, Phan Văn T6, Nguyễn Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/3/2019).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC02 - Công an tỉnh Sơn La;
- Ủy ban kiểm tra huyện ủy Y1;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hải